

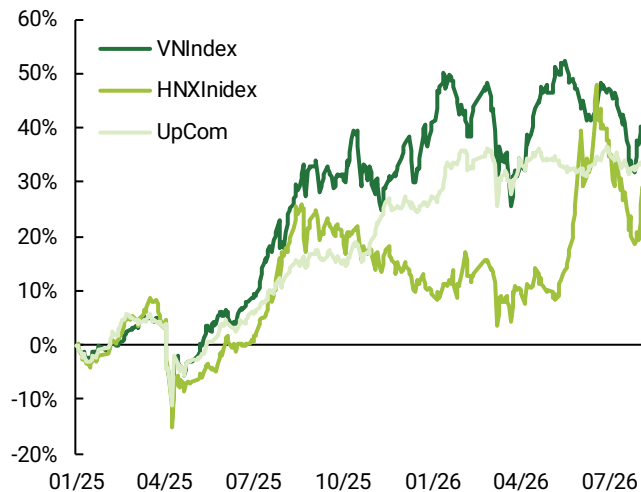
VN-Index **1768.06 (0.19%)**
728 Tr. cổ phiếu 18257.1 Tỷ VND (18.79%)

HNX-Index **293.44 (0.27%)**
46 Tr. cổ phiếu 756.0 Tỷ VND (-30.07%)

UPCOM-Index **126.88 (0.05%)**
37 Tr. cổ phiếu 363.5 Tỷ VND (-13.34%)

VN30F1M **1890.10 (-0.31%)**
229,511 HD OI: 31,296 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2025 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VN-Index đóng cửa phiên tại 1768.1, tăng +3.3 điểm (+0.19%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNX-Index.
- Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán gia tăng trở lại trong phiên chiều khiến mặt bằng cổ phiếu thu hẹp đà tăng. Dù nhóm DNNN trở lại thúc đẩy sắc xanh, vận động chỉ số lại chịu sức ép từ áp lực điều chỉnh ở nhóm Vin.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Dầu khí: BSR (+4.6%), PLX (+6.7%) | Hóa chất: BFC (+2.1%), DCM (+2.4%), GVR (+6.8%) | Ngân hàng: BID (+3.0%), STB (+3.3%), CTG (+3.7%) | Thực phẩm và đồ uống: SAB (+2.4%), VNM (+5.1%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: POW (+1.5%), GAS (+6.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VHM (-5.3%), TCH (-2.5%), DXG (-2.3%) | Du lịch và Giải trí: VPL (-2.4%), HVN (-0.4%) | Bán lẻ: DGW (-1.5%), MWG (-0.3%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, CTG, BID, GVR, VNM - Chiều giảm | VHM, VIC, VPL, VPB, VRE
- Khối ngoại Bán ròng nhẹ 50 tỷ đồng, tập trung nhiều ở bán ròng VHM, TCB, VPB, trong khi mua ròng: DMX, VNM, CTG

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** tiếp tục chứng lại tại vùng cản và cần thêm thời gian củng cố nền giá quanh khu vực 1750–1780 điểm. Dòng tiền theo đó trở nên phân hóa và luân chuyển nhanh giữa các nhóm ngành. Đáng chú ý, hợp đồng phái sinh đang chênh lệch đáng kể so với VN30 cơ sở (hiện thấp hơn khoảng 20 điểm), cho thấy kỳ vọng vào khả năng vượt cản ở nhóm vốn hóa lớn đang thận trọng. Mức chênh lệch này cần được thu hẹp trong các phiên tới để củng cố tâm lý thị trường. Về mặt kỹ thuật, nếu duy trì được cân bằng, VN-Index có thể hướng tới chinh phục mốc tâm lý 1800 điểm. Ở chiều ngược lại, vùng 1730 điểm tiếp tục giữ vai trò hỗ trợ gần, góp phần duy trì cấu trúc hồi phục hiện tại.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục chứng lại tại vùng cản 295 – 300 với mẫu hình nền Gravestone Doji. Vận động đang bị chi phối bởi biến động mạnh ở mã THD, KSV. Rủi ro điều chỉnh hiện hữu nếu các cổ phiếu này mất đà.
- Chiến lược:** NĐT có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại. Ở chiều mua mới, nên theo dõi thêm trạng thái cân bằng của cổ phiếu trong nhịp điều chỉnh. Nếu phản ứng kiểm định tốt, có thể cân nhắc giải ngân thăm dò, ưu tiên những mã đã xác nhận vùng đáy ngắn hạn. Tỷ trọng trên mỗi lệnh nên tiếp tục giữ ở mức vừa phải, chưa vội gia tăng quá mạnh giai đoạn hiện tại.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua VCB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,768.1	📈	0.2%	1.9%	-4.3%	18,257.1	📈	18.8%	-4.2%	11.2%	727.8	📈	14.3%	-4.7%	30.7%			
HNX-Index	293.4	📈	0.3%	8.2%	-0.1%	756.0	📉	-30.1%	-32.8%	-41.7%	46.4	📉	-29.4%	-37.8%	-21.7%			
UPCOM-Index	126.9	📈	0.0%	0.2%	-0.4%	363.5	📉	-13.3%	-9.5%	-31.1%	37.5	📈	54.8%	0.4%	31.1%			
VN30	1,911.1	📈	0.4%	2.1%	-4.2%	10,590.7	📈	19.5%	0.0%	29.6%	301.0	📈	20.8%	-3.7%	28.6%			
VNMID	1,917.5	📈	0.1%	2.4%	-7.9%	5,618.7	📈	2.4%	-20.8%	21.2%	278.2	📈	1.2%	-26.6%	27.3%			
VNSML	1,252.1	📈	0.1%	1.6%	-5.8%	771.5	📈	34.4%	29.1%	-19.0%	58.3	📈	28.0%	17.7%	-18.3%			
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	628.7	📈	1.4%	2.75%	-4.3%	5,564.3	📈	44.2%	12.6%	-0.5%	223.7	📈	24.1%	2.0%	-9.6%			
Bất động sản	961.0	📉	-2.3%	0.4%	-2.9%	3,013.4	📉	-22.5%	-20.9%	-9.9%	96.2	📉	-18.6%	-17.2%	-14.4%			
Dịch vụ tài chính	286.0	📉	-0.2%	-0.1%	-10.5%	2,224.3	📈	22.9%	-4.8%	-16.3%	115.6	📈	17.8%	-6.6%	-17.5%			
Công nghiệp	230.1	📉	-0.2%	2.5%	-9.0%	714.9	📉	-28.7%	-29.2%	-28.4%	27.5	📉	-30.0%	-31.0%	-28.7%			
Tài nguyên cơ bản	485.3	📈	0.6%	1.3%	-4.4%	388.2	📉	-10.8%	-41.9%	-46.3%	21.0	📉	-11.3%	-38.1%	-45.7%			
Xây dựng - Vật Liệu	158.3	📈	0.4%	4.2%	-4.1%	494.4	📈	8.6%	-10.3%	-12.8%	27.2	📈	7.9%	-15.0%	-18.1%			
Thực phẩm	488.7	📈	1.5%	0.3%	1.7%	1,783.5	📈	91.0%	26.1%	50.0%	38.3	📈	67.8%	17.7%	37.7%			
Bán Lẻ	1,398.1	📈	0.8%	5.5%	0.0%	1,135.2	📈	44.9%	29.4%	73.6%	15.2	📈	37.3%	26.9%	55.1%			
Công nghệ	383.4	📈	0.0%	5.1%	-3.8%	322.8	📉	-18.2%	-50.6%	-50.9%	5.4	📉	-8.7%	-48.0%	-53.2%			
Hóa chất	159.6	📈	4.7%	6.5%	-3.8%	431.5	📈	96.8%	46.5%	38.1%	18.3	📈	89.1%	45.3%	48.7%			
Tiện ích	722.9	📈	4.0%	5.5%	0.8%	418.5	📈	49.4%	20.7%	12.9%	17.8	📈	18.8%	10.3%	-1.3%			
Dầu khí	104.9	📈	4.8%	5.0%	6.4%	904.5	📈	218.8%	82.50%	71.1%	34.5	📈	177.6%	66.3%	64.3%			
Dược phẩm	394.4	📈	0.1%	2.5%	-1.2%	250.3	📈	255.5%	100.5%	286.4%	6.7	📈	250.8%	77.0%	192.4%			
Bảo hiểm	104.8	📈	5.2%	9.6%	10.6%	88.4	📈	585.1%	84.6%	173.1%	1.5	📈	210.7%	45.0%	92.8%			

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,768.1	0.19%	-0.9%	13.4x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,612	-0.16%	28.0%	16.8x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,410	1.04%	-25.9%	15.2x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,834	-0.17%	4.3%	15.9x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,290	0.20%	3.9%	9.6x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,940	1.02%	-0.7%	19.5x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,668	0.54%	0.1%	13.3x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,607	-0.12%	30.3%	23.9x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,710	-0.18%	12.6%	28.4x	5.9x
Dow Jones	Mỹ	53,885	-0.85%	12.1%	24.9x	6.3x
FTSE 100	Anh	10,933	0.60%	10.1%	15.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,541	0.59%	12.9%	17.8x	2.6x
DX		99.9	0.24%	1.6%		
USDVND		26,205	-0.171%	-0.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

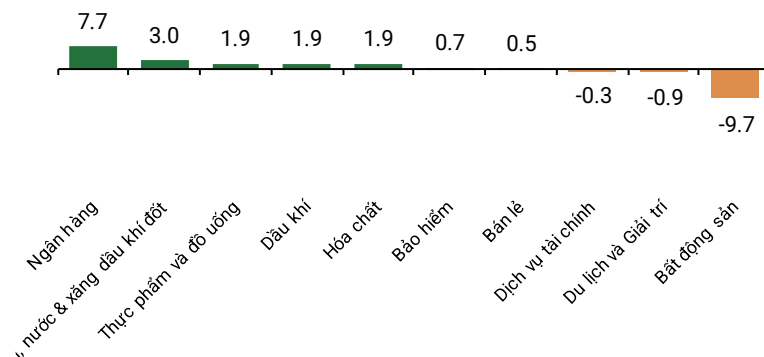
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.4%	10.8%	35.0%	23.7%
Dầu WTI	▼	-0.2%	9.5%	34.4%	20.8%
Khí gas	▬	0.1%	-19.1%	-28.3%	-13.9%
Than cốc (*)	▼	-2.9%	-8.2%	17.4%	21.6%
Thép HRC (*)	▬	0.3%	-1.8%	-0.9%	-6.8%
PVC (*)	▼	-0.1%	2.8%	-0.2%	-10.5%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	1.3%	-1.8%	-18.5%
Cao su thiên nhiên	▬	0.0%	0.9%	21.6%	30.5%
Bông Cotton	▼	-0.7%	5.8%	26.6%	25.3%
Đường	▲	1.3%	4.2%	5.1%	-1.4%
World Container Index	▲	1.0%	-5.1%	94.2%	77.3%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.1%	36.6%	95.2%	155.7%
Vàng	▲	1.76%	5.1%	-0.1%	27.0%
Bạc	▲	4.60%	7.3%	-10.2%	68.2%

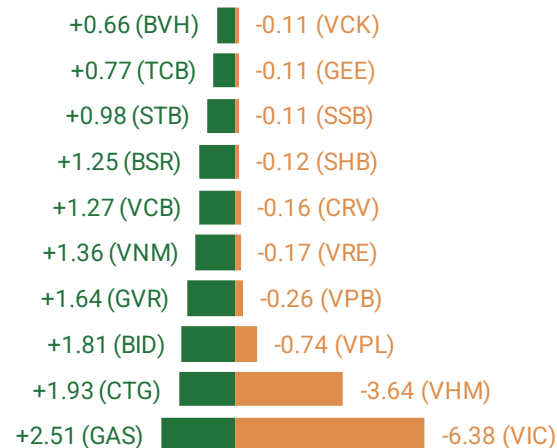
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

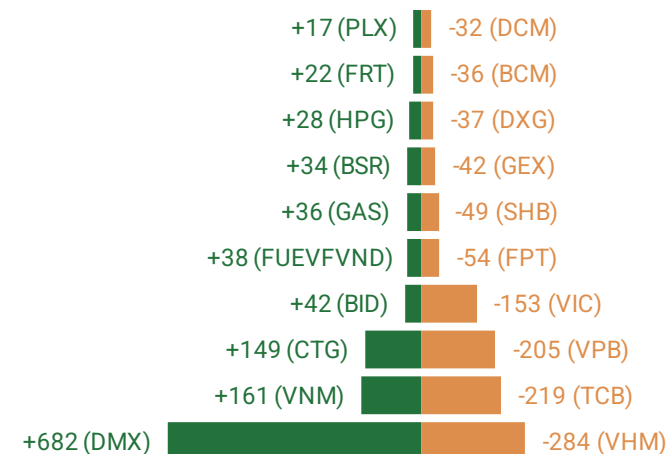
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



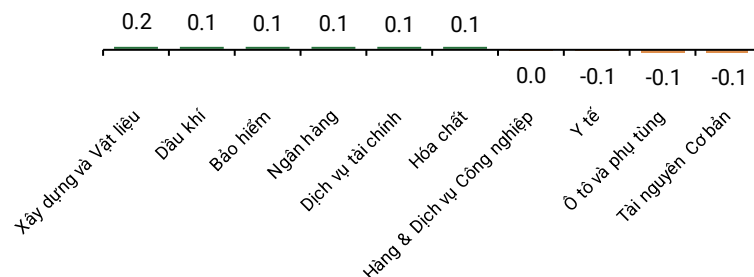
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



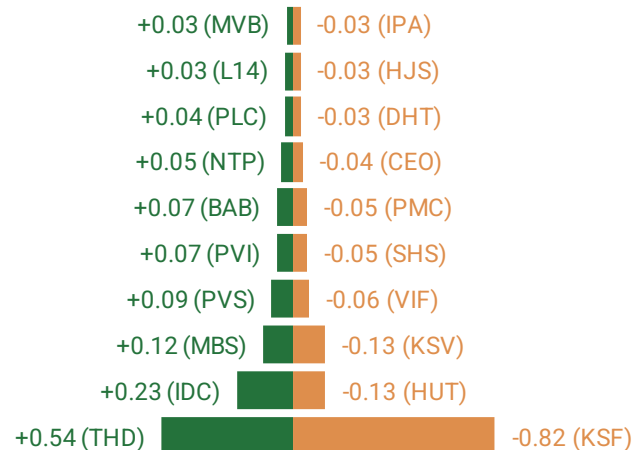
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



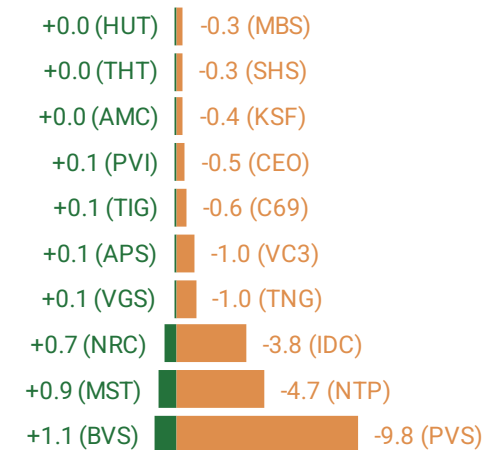
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



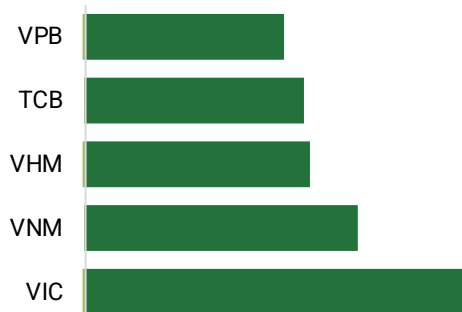
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	VNM	VHM	TCB	VPB
%DoD	-1.7%	5.1%	-5.3%	1.7%	-0.6%
Giá trị	1,149	823	680	663	602

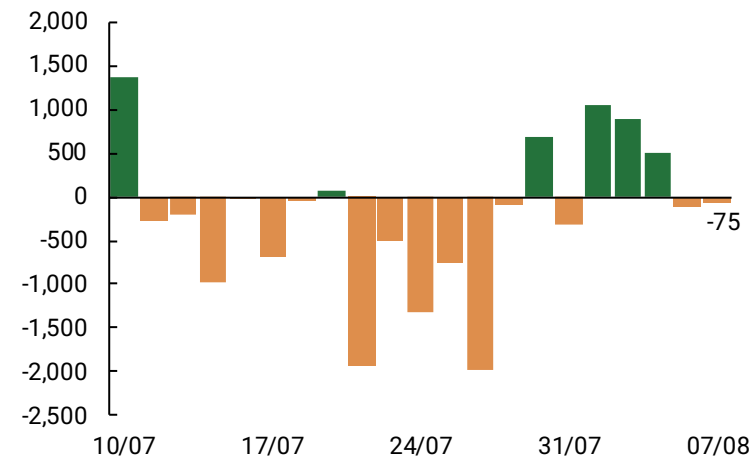
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	DMX	LPB	VPX	KDC	VIX
%DoD	2.4%	1.7%	-1.0%	-0.2%	-0.7%
Giá trị	671	391	367	331	268

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



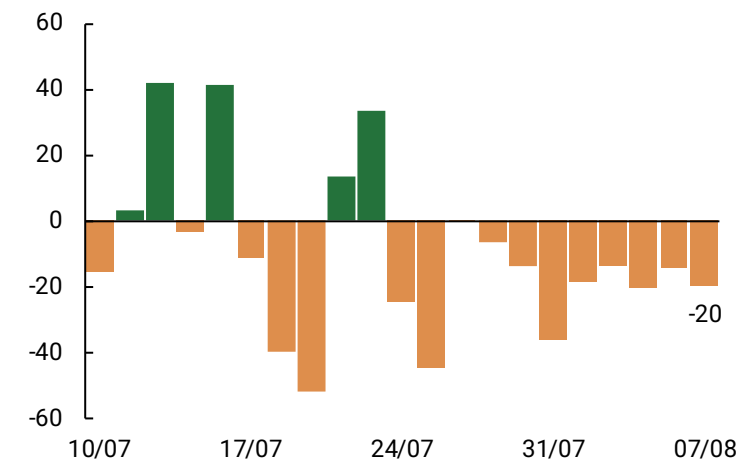
	PVS	SHS	IDC	MBS	CEO
%DoD	0.9%	-0.6%	2.8%	1.1%	-0.8%
Giá trị	104	94	81	58	49

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	DHT	ADC	ADC	ADC
%DoD	-1.5%	-0.9%	0.0%	0.0%	0.0%
Giá trị	119	7	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Spinning Top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 | 1730.
- ✓ Kháng cự: 1770 - 1800.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Vận động tiếp tục giằng co kiểm định vùng 1750 – 1780 điểm, nhằm tích lũy thêm động lượng. Nếu trạng thái cân bằng được giữ vững, mục tiêu nhịp hồi có thể hướng tới bứt phá mốc tâm lý 1800 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ duy trì cấu trúc hồi phục được nâng lên quanh mức 1730 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning Top, vol ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1860.
- ✓ Kháng cự: 1930 | 1980.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Trạng thái giằng co kiểm định thêm cung cầu quanh khu vực 1900 - 1930 khả năng tiếp tục chi phối các phiên tới. Nếu lực cầu duy trì tốt, nhịp hồi có thể mở rộng lên khu vực 1970 – 1980 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ gần hiện được nâng lên quanh mốc 1860 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	VCB	BUY	Current price	59.70	P/E (x)	13.9
Exchange	HOSE		Action price	10/08 58.5 - 59	P/B (x)	2.1
Sector	Banks		Target price	65	EPS	4301.0
			Cut loss	55.5	ROE	16.1%
					Stock Rating	BB
					Scale Market Cap	Large



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt khu vực hỗ trợ quanh 58.5 – 59.5.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal và cải thiện về miền dương, cùng với RSI trở lại vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Khu vực đáy được xác nhận quanh 56 giữ vai trò hỗ trợ tốt.
- ➔ Xu hướng tạo đáy ngắn hạn và có thể tiếp tục nhịp hồi phục.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VCB	Mua	07/08/2026	59.7	58.5 - 59	-	65	10.6%	55.5	-5.5%	Cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MCH	Mua	30/07/2026	-	136.9	137 - 138	-0.4%	152	10.5%	131	-4.7%	
2	SSI	Mua	06/08/2026	-	24.45	23.9 - 24.3	1.5%	26.5	10.0%	22.9	-5.0%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1890.1, giảm 5.9 điểm (-0.3%). Giá phục hồi vào phiên sáng nhưng áp lực điều chỉnh đã quay lại chi phối mạnh hơn vào phiên chiều.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vẫn vận động dưới đường signal, cùng RSI giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối. Tuy nhiên, mức chênh lệch giữa hợp đồng phái sinh với VN30 cơ sở đang lớn, vận động có thể quay lại kiểm định vùng cân bằng. Vị thế Short cần nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1889, hoặc có thể chờ khi giá phục hồi và suy yếu trở lại dưới ngưỡng 1900. Vị thế Long cần nhắc khi giá trở lại vận động trên mức 1912.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1805.1, giảm 25.6 điểm (-1.4%). Độ lệch basis 18.6 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 41 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1800 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1820 điểm.

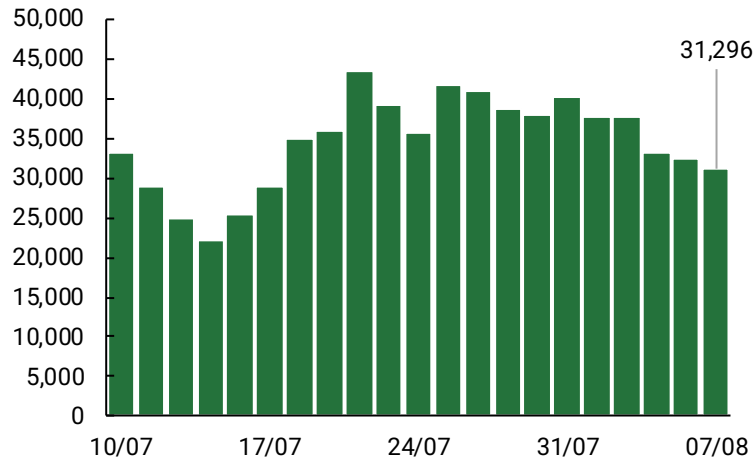
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1912	1926	1904	14 : 8
Short	< 1900	1885	1908	15 : 8
Short	< 1889	1875	1897	14 : 8

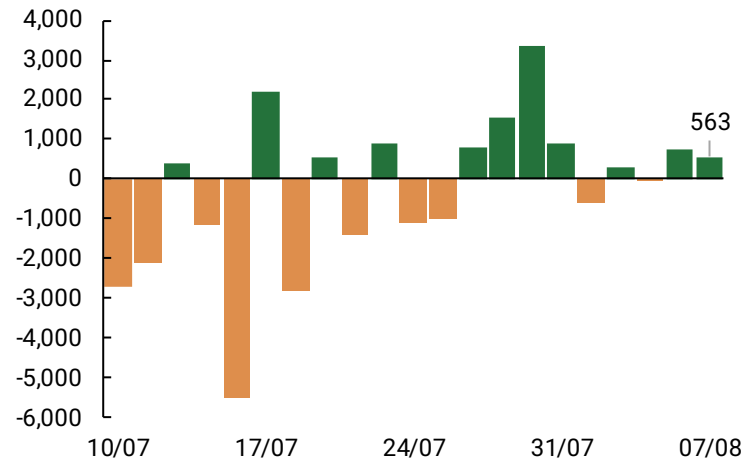
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,910.0	0.3	5	144	1,928.8	-18.8	18/03/2027	223
4111GC000	1,893.8	-1.7	46	842	1,921.6	-27.8	17/12/2026	132
4111G9000	1,894.4	-6.1	356	2,612	1,914.3	-19.9	17/09/2026	41
4111G8000	1,890.1	-5.9	229,511	31,296	1,912.1	-22.0	20/08/2026	13
4112G8000	1,805.1	-25.6	41	52	1,824.7	-19.6	20/08/2026	13

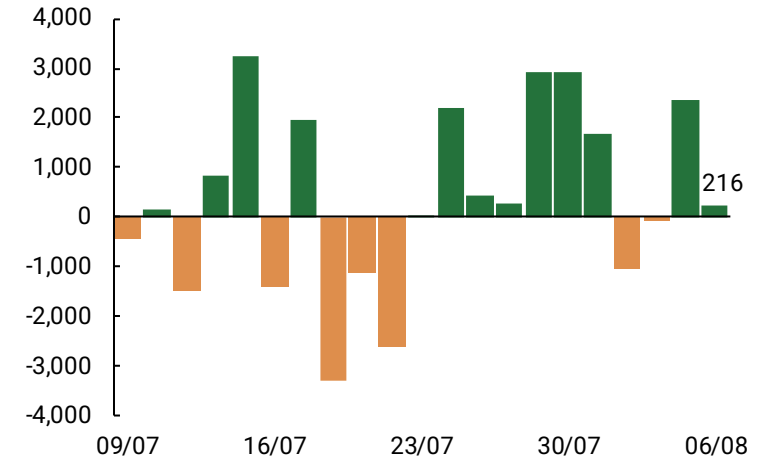
Khối lượng mở (Open interest)



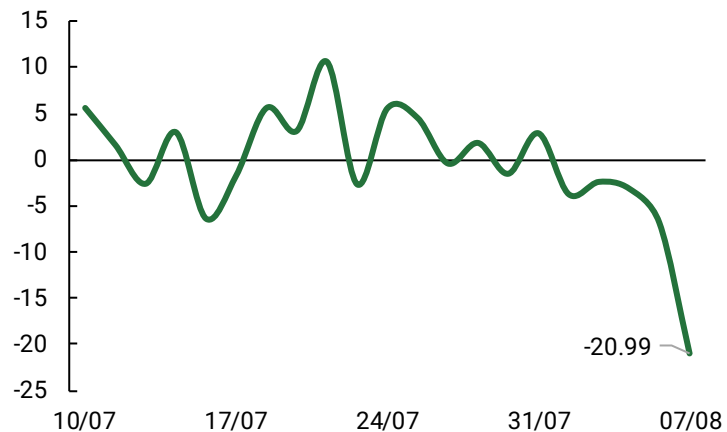
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



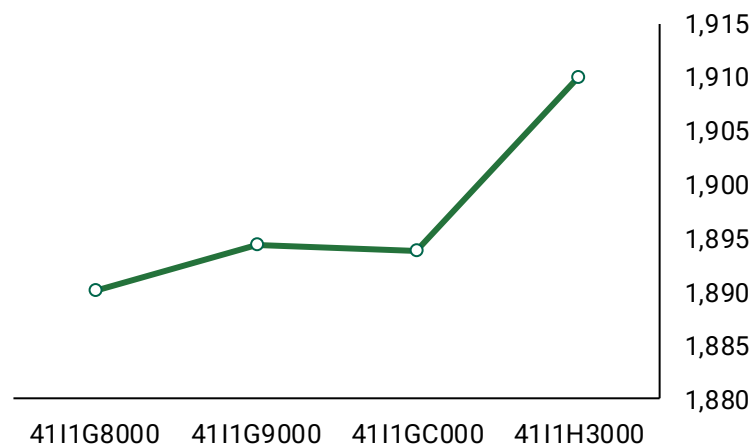
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



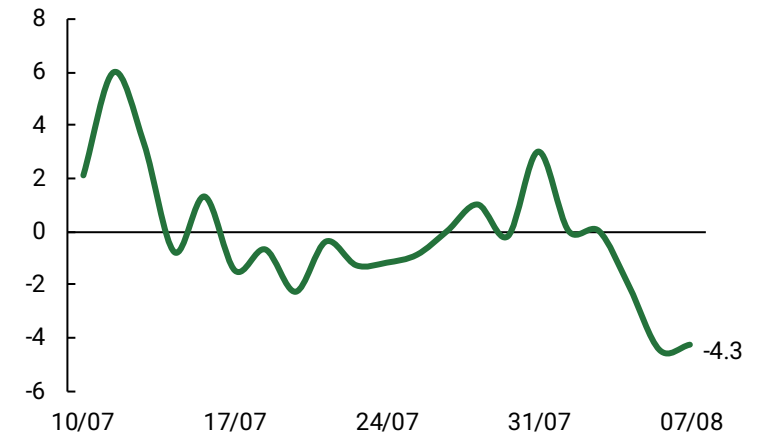
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

Vượt Thái Lan, Việt Nam trở thành thị trường lớn thứ hai Đông Nam Á trong lĩnh vực hàng không: Theo báo cáo mới nhất của OAG, công ty phân tích dữ liệu hàng không có trụ sở tại Anh, trong tháng 7, Việt Nam đã trở thành thị trường hàng không lớn thứ hai Đông Nam Á với 7.4 triệu ghế được cung ứng, tăng 5.6% so với cùng kỳ năm ngoái. Indonesia tiếp tục giữ vị trí thứ nhất với 10.9 triệu ghế, tương ứng tăng 0.3% so với cùng kỳ năm 2025.

Iran xem xét cấm tàu Mỹ qua eo biển Hormuz, giá dầu bất tăng trở lại: Thay vì công bố một thỏa thuận mới như kỳ vọng của thị trường, truyền thông nhà nước Iran đưa tin Quốc hội nước này đang xem xét kế hoạch cấm tàu thuyền Mỹ và Israel lưu thông qua eo biển Hormuz. Các quốc gia khác từng gây tổn hại cho Iran cũng sẽ không được phép đưa tàu thuyền qua eo biển này cho đến khi trả bồi thường.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Cổ phiếu doanh nghiệp Nhà nước 'dậy sóng' sau quyết định mới của Phó Thủ tướng: Động lực của dòng tiền đến sau khi Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng ký ban hành Quyết định số 40/2026/QĐ-TTg ngày 5/8, quy định chi tiết tiêu chí phân loại doanh nghiệp làm căn cứ thực hiện cơ cấu lại vốn Nhà nước. Quyết định được đánh giá là bước đi quan trọng nhằm chuẩn hóa công tác quản lý vốn Nhà nước, xác định rõ những lĩnh vực cần tiếp tục nắm giữ chi phối cũng như các ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện tái cơ cấu hoặc thoái vốn theo cơ chế thị trường.

POM - Sau cú bắt tay Vingroup, doanh thu Pomina gấp gần 4 lần cùng kỳ nhưng vẫn lỗ: Trong quý 2/2026, Pomina ghi nhận 1.71 ngàn tỷ đồng doanh thu thuần, gấp 3.7 lần cùng kỳ năm trước và là mức cao nhất trong nhiều quý trở lại đây. Nhờ doanh thu phục hồi, lợi nhuận gộp đạt 131 tỷ đồng, gấp gần 2.7 lần cùng kỳ. Tuy nhiên, áp lực tài chính vẫn rất lớn khi chi phí tài chính trong quý lên tới 192 tỷ đồng, riêng chi phí lãi vay chiếm gần 188 tỷ đồng. Bên cạnh đó, thu nhập khác cũng giảm so với cùng kỳ. Kết quả, Pomina lỗ ròng 146 tỷ đồng trong quý 2/2026, cải thiện so với khoản lỗ 170 tỷ đồng cùng kỳ.

STB - SACOMBANK phát hành 3 lô trái phiếu, tổng giá trị 3,650 tỷ: Theo thông tin công bố gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), 3 lô trái phiếu gồm mã STB12606, STB12607 và STB12608, đều có kỳ hạn 6 năm, phát hành bằng đồng Việt Nam và áp dụng lãi suất cố định 10%/năm trong toàn bộ thời hạn trái phiếu. Cả 3 lô đều có mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Theo đó, SACOMBANK đã huy động thành công 3,650 tỷ đồng thông qua kênh trái phiếu doanh nghiệp.

L14 - LICOGI 14 tham gia liên danh đầu tư dự án nhà ở hơn 2,000 tỷ đồng tại Khánh Hòa: Ngày 04/08/2026, CTCP LICOGI 14 nhận được Quyết định của Bộ Quốc phòng ban hành ngày 29/07 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở cho gia đình lực lượng vũ trang trong Quân đội tại phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Sơ bộ tổng vốn đầu tư của dự án được duyệt là 2,100 tỷ đồng. Trong đó, vốn chủ sở hữu của chủ đầu tư đóng góp là 420 tỷ đồng, tương ứng 20% tổng vốn đầu tư.

MPC - 6 tháng, Thủy sản Minh Phú lãi 415.4 tỷ đồng: CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ghi nhận lãi 194.5 tỷ đồng trong quý II, lũy kế nửa đầu năm 2026 lãi 415.4 tỷ đồng, tăng 127.5% so với cùng kỳ và hoàn thành 42.6% kế hoạch năm. Trái với kết quả kinh doanh tăng trưởng, nửa đầu năm 2026, MPC ghi nhận dòng tiền âm 390.7 tỷ đồng so với cùng kỳ dương 196.2 tỷ đồng.

03/08	Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI Việt Nam – Chỉ số PMI, Danh mục VN30, VN100 có hiệu lực, Báo cáo kinh tế – xã hội tháng 7/2026
07/08	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/08	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
11/08	Úc – RBA họp và công bố lãi suất
12/08	Mỹ – Chỉ số CPI
13/08	Việt Nam – MSCI công bố danh mục Mỹ – Chỉ số PPI
14/08	Việt Nam – Hạn BCTC Q2/2026 soát xét
17/08	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
20/08	Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
26/08	Mỹ – Chỉ số PCE, ước tính GDP
27 – 29/08	Mỹ - Hội nghị kinh tế Jackson Hole

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	38,600	73,400	90.2%	Mua
CTG	32,500	40,700	25.2%	Mua
CTD	62,100	82,900	33.5%	Mua
DBD	49,600	68,000	37.1%	Mua
DDV	18,975	35,900	89.2%	Mua
DGW	39,400	47,500	20.6%	Mua
DPG	30,000	42,300	41.0%	Mua
DPR	36,050	46,500	29.0%	Mua
DRI	13,195	17,200	30.4%	Mua
EVF	12,350	14,400	16.6%	Tăng tỷ trọng
FRT	132,000	151,000	14.4%	Tăng tỷ trọng
GMD	77,200	92,700	20.1%	Mua
HAH	46,200	58,300	26.2%	Mua
HDG	16,550	30,900	86.7%	Mua
HHV	10,050	11,700	16.4%	Tăng tỷ trọng
HPG	22,000	30,700	39.5%	Mua
IMP	36,700	54,400	48.2%	Mua
KDH	17,950	38,800	116.2%	Mua
MCH	136,900	177,200	29.4%	Mua
MWG	71,000	115,600	62.8%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	24,150	33,000	36.6%	Mua
NLG	22,200	39,400	77.5%	Mua
NT2	21,350	27,700	29.7%	Mua
PHR	58,600	72,800	24.2%	Mua
PNJ	36,000	75,500	109.7%	Mua
PVS	34,300	39,900	16.3%	Tăng tỷ trọng
PVT	18,350	26,000	41.7%	Mua
POW	13,600	15,000	10.3%	Tăng tỷ trọng
SAB	44,750	54,900	22.7%	Mua
SSI	24,450	32,100	31.3%	Mua
TLG	48,650	50,000	2.8%	Nắm giữ
TCB	29,700	41,700	40.4%	Mua
TCM	16,650	35,300	112.0%	Mua
TRC	74,900	91,800	22.6%	Mua
VCB	59,700	79,700	33.5%	Mua
VPB	25,000	36,500	46.0%	Mua
VCG	15,650	23,300	48.9%	Mua
VHC	51,400	58,000	12.8%	Tăng tỷ trọng
VNM	62,000	66,650	7.5%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801